

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI SR VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI SR VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET NAM SR CONSTRUCTION AND TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: SR VN., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108134961

3. Ngày thành lập: 16/01/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 22, ngõ 10A, Đường Nguyễn Thị Định, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0988088931

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
2.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	2930
3.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
4.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
5.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
6.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
7.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
8.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
9.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
10.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Hoạt động vận chuyển đồ đặc gia đình thiết bị văn phòng....;	4933
11.	Dịch vụ đóng gói	8292
12.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512

13.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi; - Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; - Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp; - Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; - Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp; - Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế; - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; - Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt may; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường.	4659
14.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
15.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
16.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
17.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
18.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
19.	Cho thuê xe có động cơ	7710
20.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
21.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
22.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
23.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
24.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
25.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
26.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
27.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
28.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
29.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
30.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
31.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
32.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
33.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
34.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
35.	Lập trình máy vi tính	6201
36.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
37.	Sản xuất xe có động cơ	2910

38.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
39.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
40.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
41.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
42.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520
43.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
44.	Xây dựng nhà các loại	4100
45.	Xây dựng công trình công ích	4220
46.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
47.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
48.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
49.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
50.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm đầu giá)	4511
51.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
52.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm đầu giá)	4513
53.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
54.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm đầu giá)	4530
55.	Bán mô tô, xe máy	4541
56.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
57.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
58.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
59.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
60.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
61.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
62.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
63.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
64.	Sửa chữa đồ dùng cá nhân và gia đình khác	9529
65.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
66.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
67.	Phá dỡ	4311

68.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
69.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
70.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
71.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
72.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (không bao gồm đầu giá)	4543
73.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại nhà nước cấm)	4620
74.	Bán buôn gạo	4631
75.	Bán buôn thực phẩm	4632
76.	Bán buôn đồ uống	4633
77.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
78.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
79.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao - Bán buôn đồ kim chỉ: kim, chỉ khâu...; - Bán buôn ô dù; - Bán buôn dao, kéo; - Bán buôn xe đạp và phụ tùng xe đạp; - Bán buôn sản phẩm quang học và chụp ảnh (ví dụ: kính râm, ống nhòm, kính lúp); - Bán buôn băng, đĩa CD, DVD đã ghi âm thanh, hình ảnh; - Bán buôn đồng hồ đeo tay, đồng hồ treo tường và đồ trang sức; - Bán buôn nhạc cụ, sản phẩm đồ chơi, sản phẩm trò chơi.	4649
80.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
81.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ	4781
82.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (không bao gồm đầu giá)	4791
83.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
84.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
85.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
86.	Đúc kim loại màu	2432
87.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
88.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
89.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663(Chính)
90.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
91.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818

92.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
93.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
94.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
95.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
96.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
97.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
98.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
99.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
100.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
101.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
102.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
103.	Sản xuất máy luyện kim	2823
104.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
105.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
106.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
107.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
108.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
109.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
110.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
111.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
112.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
113.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
114.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh Bán buôn cao su Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại - Bán buôn bột giấy; - Bán buôn đá quý;	4669
115.	Đúc sắt, thép	2431
116.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
117.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
118.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
119.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
120.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
121.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732

122.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
123.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
124.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
125.	In ấn	1811
126.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
127.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
128.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản	6820

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	VŨ MẠNH ĐỨC	Số 22 , Ngõ 10A ,Tập thể Trường LDXH, Tổ 12, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	90.000	900.000.000	30,000	0330860005 43	
			Tổng số	90.000	900.000.000	30,000		
2	VŨ THUẬN YẾN	Số 22 , Ngõ 10A ,Tập thể Trường LDXH, Tổ 12, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	120.000	1.200.000.000	40,000	0331900004 34	
			Tổng số	120.000	1.200.000.000	40,000		
3	NGUYỄN THỊ THANH BÌNH	Số 22 , Ngõ 10A ,Tập thể Trường LDXH, Tổ 12, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	90.000	900.000.000	30,000	012238851	
			Tổng số	90.000	900.000.000	30,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **VŨ THUẬN YẾN**

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *19/09/1990*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *033190000434*

Ngày cấp: *21/08/2015*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 22, Ngõ 10A, Tập thể Trường LĐXH, Tổ 12, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 22, Ngõ 10A, Tập thể Trường LĐXH, Tổ 12, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội